



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị kế toán : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO
Mã số thuế : 0302095576
Giấy ĐKKD : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM
Địa chỉ : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 37503042 Fax: 082 37502825

Danh mục báo cáo:

STT	Tên báo cáo	Mẫu số
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản	

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
 Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		292.071.305.970	140.319.183.484
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.474.153.879	45.390.607.914
1. Tiền	111	V.01	2.474.153.879	5.185.048.668
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01	-	40.205.559.246
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	266.875.100.826	80.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		266.875.100.826	80.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.234.188.880	14.858.435.038
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	14.980.549.145	14.394.237.320
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.196.928.196	1.132.976.410
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.479.947.808	754.457.577
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	3.487.862.385	70.140.532
1. Hàng tồn kho	141		3.487.862.385	70.140.532
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.192.467.777.215	1.252.317.087.871
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	-
II. Tài sản cố định	220		1.100.991.295.665	1.175.905.150.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.100.991.295.665	1.175.905.150.008
- Nguyên giá	222		2.557.142.798.480	2.556.209.978.281
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.456.151.502.815)	(1.380.304.828.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(915.724.800)	(915.724.800)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.801.811.226	45.382.999.831
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	45.801.811.226	45.382.999.831
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.674.670.324	31.028.938.032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	45.674.670.324	31.028.938.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.484.539.083.185	1.392.636.271.355

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICOĐịa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HC)
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
1	2	3	4	4
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		996.304.846.432	910.221.541.568
I. Nợ ngắn hạn	310		97.556.197.849	67.534.800.214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.280.192.590	2.834.219.942
2. Người mua trả tiền trước	312	V.15	11.589.725.408	9.160.000
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	11.824.128.079	15.367.756.578
4. Phải trả người lao động	314		1.624.311.040	1.595.712.419
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		537.307.497	255.434.000
7. Phải trả nội bộ (Ngắn hạn)	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.436.962.753	1.499.310.752
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	62.240.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	-	45.073.245.770
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.023.570.482	899.960.753
II. Nợ dài hạn	330		898.748.648.583	842.686.741.354
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	524.940.216.383	587.180.216.383
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	373.808.432.200	255.506.524.971
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		488.234.236.753	482.414.729.787
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	488.234.236.753	482.414.729.787
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.155.778.554	68.336.271.588
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.697.927.717	11.015.475.887
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.457.850.837	57.320.795.701
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.484.539.083.185	1.392.636.271.355

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

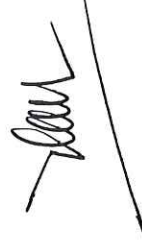
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	118.862.479.298	110.606.186.234	345.287.682.010	326.941.786.205
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		118.862.479.298	110.606.186.234	345.287.682.010	326.941.786.205
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	78.099.403.204	62.692.394.432	220.330.774.286	181.546.291.846
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		40.763.076.094	47.913.791.802	124.956.907.724	145.395.494.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	2.839.280.101	326.563.962	7.048.058.338	1.237.005.207
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	13.504.272.565	19.657.249.045	42.194.870.685	59.867.576.255
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.504.272.565	19.657.249.045	42.194.870.685	59.867.576.255
8. Chi phí bán hàng	24		9.241.585.194	9.538.901.864	26.957.596.456	28.813.068.043
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		819.928.729	1.057.155.986	3.467.788.349	4.039.835.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD(30=20+(21-22)-(24+25))	30		20.036.569.707	17.987.048.869	59.384.710.572	53.912.019.435
11. Thu nhập khác	31		2.092.000	19.656.667	16.977.974	92.733.483
12. Chi phí khác	32		-	-	4.500.000	116.811.532
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.092.000	19.656.667	12.477.974	(24.078.049)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.038.661.707	18.006.705.536	59.397.188.546	53.887.941.386
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	9.407.732.341	3.601.341.107	26.585.070.001	10.860.072.143
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.400.000.000)		(14.645.732.292)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.030.929.366	14.405.364.429	47.457.850.837	43.027.869.243
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	643	577	1.902	1.673

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		383.882.506.129	358.495.762.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(70.399.407.902)	(63.897.032.076)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.642.105.096)	(29.091.384.474)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(41.912.997.188)	(55.756.546.719)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(31.324.217.422)	(21.831.899.375)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		949.542.306	566.793.947
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.343.412.950)	(35.475.571.785)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		180.209.907.877	153.010.121.518
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(950.718.699)	(11.509.411.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(248.344.237.809)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.469.136.983	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.406.851.253	1.237.005.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(183.418.968.272)	(40.272.406.162)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(49.952.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.707.393.640)	(45.095.694.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.707.393.640)	(95.047.694.170)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(42.916.454.035)	17.690.021.186
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45.390.607.914	38.142.736.788
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	2.474.153.879	55.832.757.974

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Giám đốc

Lê Quốc Đạt

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/09/2024

Tổng Công ty IDICO - CTCP

57,5%

Các cổ đông khác

42,5%

2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 07/8/2020 (thay đổi lần 6) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ Dự án BOT Cải tạo nâng cấp quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/07/2024 đến 30/09/2024

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính hướng dẫn theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính kể từ năm tài chính 2015, Số dư đầu kỳ được điều chỉnh phù hợp với thông tư này

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý III năm 2024**

(Tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	5-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính và theo các phụ lục hợp đồng BOT của dự án

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm quản lý thu phí

Phần mềm quản lý doanh nghiệp, Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý III năm 2024**

(Tiếp theo)

6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác..

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả các chi phí trung tu và đại tu dự án được ghi nhận dựa theo mức tạm tính tại Hợp đồng BOT và ước tính của Ban điều hành Công ty.

8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ. Từ năm 2020 áp dụng mức thuế suất thông thường

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

13 Các bên liên quan:

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2024	01/01/2024
1 Tiền và Các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.657.504.338	345.234.071
Tiền gửi ngân hàng	816.649.541	4.839.814.597
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	40.205.559.246
Cộng	2.474.153.879	45.390.607.914
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng tại ngân hàng)	266.875.100.826	80.000.000.000
Cộng	266.875.100.826	80.000.000.000
3 Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Công ty TNHH TM DV và xây dựng Thiên Vũ	4.856.467.024	4.856.467.024
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông	7.417.582.852	7.279.292.027
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	1.253.263.000	805.242.000
Các đối tượng khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	14.980.549.145	14.394.237.320

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác		30/09/2024	01/01/2024		
Tạm ứng		195.277.621	164.691.569		
Ký quỹ ký cược		169.766.008	149.766.008		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		2.641.207.085	-		
Phải thu khác		473.697.094	440.000.000		
Cộng		3.479.947.808	754.457.577		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		30/09/2024	01/01/2024		
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông		(1.423.236.269)	(1.423.236.269)		
Cộng		(1.423.236.269)	(1.423.236.269)		
4 Hàng tồn kho		30/09/2024	01/01/2024		
Nguyên liệu, vật liệu		39.018.883	38.765.316		
Công cụ, dụng cụ		31.897.732	31.375.216		
Chi phí sản xuất dở dang		3.416.945.770	-		
Cộng		3.487.862.385	70.140.532		
8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2024	2.525.067.059.360	17.951.281.124	10.432.119.998	2.759.517.799	2.556.209.978.281
- Mua trong kỳ	-	-	820.420.199	112.400.000	932.820.199
-ĐT XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2024	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.252.540.197	2.871.917.799	2.557.142.798.480
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2024	1.356.354.574.750	12.978.311.080	8.916.648.998	2.055.293.445	1.380.304.828.273
- Khấu hao trong kỳ	74.530.215.437	714.054.661	457.512.791	144.891.653	75.846.674.542
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT 45/2013	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2024	1.430.884.790.187	13.692.365.741	9.374.161.789	2.200.185.098	1.456.151.502.815
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2024	1.168.712.484.610	4.972.970.044	1.515.471.000	704.224.354	1.175.905.150.008
Số dư 30/09/2024	1.094.182.269.173	4.258.915.383	1.878.378.408	671.732.701	1.100.991.295.665

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

798.261.582.050

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2024	-	-	-	915.724.800	915.724.800	
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	
- ĐT XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	
- giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư 30/09/2024	-	-	-	915.724.800	915.724.800	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2024	-	-	-	915.724.800	915.724.800	
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
Số dư 30/09/2024	-	-	-	915.724.800	915.724.800	
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2024	-	-	-	-	-	
Số dư 30/09/2024	-	-	-	-	-	
				30/09/2024	01/01/2024	
11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang						
Công trình Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Hương Lộ 2					-	-
Công trình Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Lê Trọng Tấn-Nguyễn Thị Tú					-	-
Công trình Cầu Tân Kỳ Tân Quý (*)					34.096.120.971	34.096.120.971
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)					11.304.777.360	11.286.878.860
Các dự án khác					-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ					400.912.895	-
Cộng					45.801.811.226	45.382.999.831
				30/09/2024	01/01/2024	
15 Người mua trả tiền trước						
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông					11.580.565.408	-
Các đối tượng khác					9.160.000	9.160.000
Cộng					11.589.725.408	9.160.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

	30/09/2024	01/01/2024
16 Vay và nợ ngắn hạn		
Nợ dài hạn đến hạn trả		
HĐTĐ Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao QL1/Hương lộ 2	32.240.000.000	-
HĐTĐ Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao Gò Mây	30.000.000.000	-
HĐTĐ Vay dài hạn DA Đầu tư Cầu Tân Kỳ Tân Quý		-
Cộng	62.240.000.000	-
17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT	2.399.978.714	1.061.735.835
Thuế TNDN	9.407.732.341	14.146.879.762
Thuế TNCN	16.417.024	159.140.981
Cộng	11.824.128.079	15.367.756.578
18 Dự phòng phải trả		
Trích trước chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các dự án (ngắn hạn, dự kiến thực hiện trong năm 2024)	-	45.073.245.770
Trích trước chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các dự án (dài hạn)	373.808.432.200	255.506.524.971
Cộng	373.808.432.200	300.579.770.741
19 Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Bảo hiểm xã hội	1.955.146	1.955.146
Phải trả các đội thi công của Công ty	-	14.674.955
Cổ tức	947.172.490	735.846.130
Nhận ký quỹ ký cược	1.015.741.762	627.515.700
Lãi vay phải trả	-	-
Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	472.093.355	119.318.821
Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn	2.436.962.753	1.499.310.752

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

	30/09/2024	01/01/2024
20 Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao QL1/Hương lộ 2	193.258.797.625	225.498.797.625
<i>(HĐTĐ số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014 ký kết với EXIMBANK-CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 9,0%/năm)</i>		
Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao Gò Mây	331.681.418.758	361.681.418.758
<i>(HĐTĐ số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 ký kết với EXIMBANK-CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 509.856.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 9,0%/năm)</i>		
Cộng	524.940.216.383	587.180.216.383

23 Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2023	249.492.000.000	-	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Tăng trong kỳ	-	-	-	57.320.795.701	57.320.795.701
Lãi	-	-	-	57.320.795.701	57.320.795.701
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	21.617.825.463	21.617.825.463
Chia cổ tức	-	-	-	19.959.360.000	19.959.360.000
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	1.658.465.463	1.658.465.463
Số dư 31/12/2023	249.492.000.000	-	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787
Số dư 01/01/2024	249.492.000.000	-	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787
Tăng trong kỳ	-	-	-	47.457.850.837	47.457.850.837
Lãi	-	-	-	47.457.850.837	47.457.850.837
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	41.638.343.871	41.638.343.871
Chia cổ tức	-	-	-	39.918.720.000	39.918.720.000
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	1.719.623.871	1.719.623.871
Số dư 30/09/2024	249.492.000.000	-	164.586.458.199	74.155.778.554	488.234.236.753

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

	30/09/2024	01/01/2024
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông	249.492.000.000	249.492.000.000
Cộng	249.492.000.000	249.492.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	39.918.720.000	
d. Cổ tức		
Công ty đã thực hiện chi trả 16% cổ tức năm 2023 bằng tiền vào ngày 07/6/2024 theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 28/05/2024.		
e. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
f. Các quỹ của DN		
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Cộng	164.586.458.199	164.586.458.199

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý III năm 2024**

(Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023
25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	116.268.538.105	110.573.186.234
Doanh thu cho thuê Văn phòng	33.000.000	33.000.000
Doanh thu xây lắp	2.560.941.193	-
Cộng	118.862.479.298	110.606.186.234
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	116.268.538.105	110.573.186.234
Doanh thu cho thuê Văn phòng	33.000.000	33.000.000
Doanh thu xây lắp	2.560.941.193	-
Cộng	118.862.479.298	110.606.186.234
26 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	75.692.118.483	62.692.394.432
Giá vốn cho thuê Văn phòng	-	-
Giá vốn xây lắp	2.407.284.721	-
Cộng	78.099.403.204	62.692.394.432
27 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.839.280.101	326.563.962
Cộng	2.839.280.101	326.563.962
28 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	13.504.272.565	19.657.249.045
Cộng	13.504.272.565	19.657.249.045
29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	9.407.732.341	3.601.341.107
Chi phí Thuế TNDN hoãn lại (Của khoản dự phòng trích trước)	(5.400.000.000)	-
Cộng	4.007.732.341	3.601.341.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

30 Lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.030.929.366	14.405.364.429
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	16.030.929.366	14.405.364.429
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>643</u>	<u>577</u>

31 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ, hoạt động thu phí sử dụng đường bộ là hoạt động chủ đạo với doanh thu chiếm 97,82% doanh thu của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chỉ trong địa phận Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo theo bộ phận.

32 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.503.003.137	1.991.638.216
Chi phí nhân công	12.156.491.876	11.487.258.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.730.649.535	24.538.059.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.787.345.741	8.241.810.202
Chi phí dự phòng	27.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí khác bằng tiền	983.426.838	2.029.685.570
Tổng cộng	<u>88.160.917.127</u>	<u>73.288.452.282</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin về các bên liên quan

a Danh sách bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý III năm 2024**

(Tiếp theo)

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
15	Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
16	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	
17	Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	
18	Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	
19	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)	
20	Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 25/04/2024)	
21	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	
22	Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)	
23	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS (Bỏ nhiệm ngày 25/04/2024)	
24	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)	
25	Bà Lê Thùy Trang	Thành viên BKS (Bỏ nhiệm ngày 25/04/2024)	
26	Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)	
27	Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên BKS (Bỏ nhiệm ngày 25/04/2024)	
28	Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	
29	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	
30	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	
31	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
32	Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
 Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2024

(Tiếp theo)

b. Giao dịch mua bán chủ yếu các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
Giao dịch mua		727.973.145	950.653.261
IDICO - INCON	Giám sát thi công	727.973.145	950.653.261
Cổ tức đã chia		22.953.264.000	11.476.632.000
1 Tổng công ty IDICO - CTCP		22.953.264.000	11.476.632.000

c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan

	30/09/2024	01/01/2024
Phải thu khác	50.000.000	50.000.000
1 IDICO - LINCO	50.000.000	50.000.000
Phải trả cho người bán	22.998.415	-
1 IDICO - INCON	22.998.415	-
Trả trước cho người bán	203.071.263	22.124.086
1 IDICO - INCON	203.071.263	22.124.086

2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023, BCTC quý 3 năm 2023

3 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

4 Những thông tin khác

Trong báo cáo tài chính, có những chỉ tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

